

SỔ GIAO DỊCH CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH
TR. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 2373
Giới: Ngày 1 tháng 2 năm 2010

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ KINH BẮC - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
QUÝ 4 NĂM 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,710,815,450,160	1,487,727,483,307
I. Tiền	110		1,716,212,296,370	129,540,241,688
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	379,075,804,100	310,752,768,700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,591,629,064,536	1,041,032,944,983
IV. Hàng tồn kho	140		42,042,415	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,090,513,254,795	3,293,132,912,819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,542,649,760,540	929,087,769,102
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6.1	50,910,566,556	8,886,546,546
- Nguyên giá	222		62,428,053,889	15,027,843,770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11,517,487,333)	(6,141,297,224)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.6.2	19,659,370	7,767,648
- Nguyên giá	228		68,217,160	33,099,660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48,557,790)	(25,332,012)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	1,491,719,534,614	920,193,454,908
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,491,014,100,776	2,362,662,499,050
V. Tài sản dài hạn khác	260		56,849,393,479	1,382,644,667
VI. Lợi thế thương mại	269		274,702,761,247	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9,076,031,466,203	4,780,860,396,126
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5,669,374,578,217	1,958,923,516,689
I. Nợ ngắn hạn	310		2,589,422,837,200	1,711,808,945,887
II. Nợ dài hạn	330		3,079,951,741,017	247,114,570,802
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,272,482,113,283	2,735,496,186,338
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.12.	3,275,634,630,950	2,733,101,803,005
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,991,243,300,000	1,340,830,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		998,196,620,000	1,388,494,600,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(364,463,420,000)	(280,003,380,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,223,693,823	2,223,693,823
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		648,434,437,127	281,556,889,182
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.13.	(3,152,517,667)	2,394,383,333
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(3,152,517,667)	2,394,383,333
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		134,174,774,703	86,440,693,099
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9,076,031,466,203	4,780,860,396,126

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC HIẾU

TRẦN NGỌC DIỆP

ĐẶNG THÀNH TÂM

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ KINH BẮC - CTCP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	419,805,583,467	1,049,690,434,299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		419,805,583,467	1,049,690,434,299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	156,015,765,728	432,952,486,668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		263,789,817,739	616,737,947,631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	149,020,818,294	355,683,165,952
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	43,758,241,154	192,369,381,390
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,811,157,833	37,903,398,887
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5.	24,569,609,573	54,790,444,395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		344,482,785,306	725,261,287,798
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	998,646,347	1,272,752,278
12. Chi phí khác	32	VI.7.	226,945	221,216,087
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		998,419,402	1,051,536,191
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		(295,757,885)	(588,915,608)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		345,185,446,824	725,723,908,382
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	49,497,274,165	83,603,182,178
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		295,688,172,659	642,120,726,204
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		5,200,396,238	27,864,938,003
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		290,487,776,421	614,255,788,201
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70			

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC HIẾU

TRẦN NGỌC DIỆP

ĐẶNG THÀNH TÂM